

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Điem - A Sờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2010/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2015/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương (Phụ lục 15);

Xét hồ sơ kèm theo các Tờ trình số 1451/TTr-BQLGT ngày 17/8/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh về việc thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Điem - A Sờ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3241/TTr-SGTVT ngày 11/10/2021, kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án số 3235/KQTD-SGTVT ngày 11/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Điem - A Sờ; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Điem - A Sờ.
2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam.
4. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy

hoạch, kết nối vùng Đông ven biển với các huyện miền núi phía Tây của tỉnh, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển du lịch - dịch vụ, bảo đảm an ninh quốc phòng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

5. Nội dung và quy mô đầu tư:

Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Diêm - A Sờ, với tổng chiều dài 21,2Km, theo các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu sau:

- Cấp đường: Đường cấp IV miền núi (TCVN 4054 - 2005).
- Vận tốc thiết kế: 40km/h.
- Mặt cắt ngang 7,5m(nền) = 6,5m(mặt+lề gia cô) + 2x0,5m(lề đất).
- Kết cấu áo đường: Bê tông nhựa (mô đun đàn hồi yêu cầu 130Mpa), các đoạn có dốc dọc >8 thì kết cấu mặt đường bê tông xi măng.
- Tải trọng thiết kế:
 - + Tính áo đường: Trục xe 100kN (hoặc 10T đối với bê tông xi măng);
 - + Tính công tròn: H30-XB80;
 - + Tính cầu, công hộp: HL93.
- Tần suất thiết kế công, cầu nhỏ: 4%; cầu trung: 1%

6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng 533.

7. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Mai Đăng Thanh Tiến.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Đại Lộc và huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

9. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 35,8ha (đường cũ là 15,5 ha).

10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

11. Số bước thiết kế: 02 bước.

12. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng chủ yếu: Theo khoản 12 mục I Báo cáo thẩm định số 3235/KQTĐ-SGTVT ngày 11/10/2021 của Sở Giao thông vận tải.

13. Nội dung thiết kế cơ sở:

a) Bình đồ:

Điểm đầu tại Km46+250, điểm cuối tại Km67+431 nối vào đường bê tông hiện trạng (trùng với lý trình quản lý là Km68+508). Hướng tuyến chủ yếu bám theo đường hiện trạng, có cải tạo các đường cong nằm bán kính nhỏ ở những vị trí có địa hình thuận lợi để mở rộng tầm nhìn, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường ($R > 60m$). Tuy nhiên, toàn tuyến vẫn còn 02 đoạn mặc dù có cải tạo, mở rộng để cải thiện bình đồ nhưng bán kính đường cong nằm vẫn chưa $R > 60m$, cụ thể:

- Đoạn Km65+714 - Km66+057: Bán kính đường cong nằm chỉ đạt từ 30m đến 45m do địa hình vực sâu.

- Đoạn Km66+792 - Km66+829: Giữ lại bán kính đường cong nằm 21m ở đầu cầu phía đầu tuyến do sử dụng lại cầu 2 nhịp 25m tại Km66+857 đã có.

b) Trắc dọc: Bám theo đường hiện trạng để tận dụng tối đa đường cũ, đồng thời cải tạo độ dốc dọc để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường ($i < 9\%$). Tuy nhiên, những vị trí trước đây đã đào sâu, nền đường đã rộng đủ 7,5m nhưng độ dốc dọc vẫn chưa đảm bảo thì giữ nguyên dốc dọc đường hiện trạng nhằm hạn chế sạt lở. Tổng cộng có 15 đoạn (tổng chiều dài 1.529m) có độ dốc dọc từ 9% - 11%, 01 đoạn dài 328m có dốc dọc 12,75% và 01 đoạn dài 129m có độ dốc dọc 15,2% được giữ lại.

c) Trắc ngang: Bề rộng nền đường: $7,5\text{m} = 6,5\text{m}$ (mặt+lề gia cố) + $2 \times 0,5\text{m}$ (lề đất). Dốc ngang mặt đường và lề gia cố 2%, dốc ngang lề đất 4%.

d) Nền đường: Nền đường đắp đất đầm chặt K95, riêng 50cm trên cùng trong phạm vi khuôn đường đầm chặt K98. Nền đường đào lu lèn khuôn đường đạt K98. Xây dựng rãnh thấm (tại vị trí rãnh dọc) để thu nước tại các vị trí có xuất hiện nước ngầm.

đ) Kết cấu áo đường:

- Phần làm mới và mở rộng: Bê tông nhựa chặt 2 lớp dày 10cm, cấp phối đá dăm loại 1 dày 37cm.

- Phần tăng cường trên mặt đường cũ : Bê tông nhựa chặt 2 lớp dày 10cm, cấp phối đá dăm loại 1 tăng cường và bù vênh dày tối thiểu 15cm.

- Đối với các đoạn tuyến có độ dốc dọc trên 8%, mặt đường bằng bê tông M300 đá 1x2, dày 24cm, trên lớp móng cấp phối đá dăm.

e) Công trình thoát nước:

- Rãnh cơ, rãnh đỉnh, dốc nước được gia cố bằng bê tông M150.

- Rãnh dọc tiết diện hình thang, gia cố tại các vị trí xung yếu có nguy cơ xói lở. Các đoạn qua khu đông dân cư, xây dựng mương dọc đầy đan bê tông cốt thép.

- Cống thoát nước: Toàn tuyến có 100 cống các loại, gồm 11 cống giữ nguyên theo hiện trạng; 77 cống nổi dài và 12 cống xây dựng mới thay cống cũ. Kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép.

- Công trình cầu: Sử dụng lại 05 cầu hiện trạng, xây dựng mới 03 cầu tại Km50+340, Km50+761 và Km61+767, cụ thể:

- + Cầu tại Km50+340: Kết cấu 01 nhịp giản đơn dài 18m bằng BTCT 30MPa. Mố cầu bằng BTCT 30MPa, bê móng mố đặt trên 4 cọc khoan nhồi đường kính 1,0m, chiều dài cọc dự kiến 18m, mũi cọc ngàm vào đá gốc.

- + Cầu tại Km50+761: Kết cấu 01 nhịp giản đơn dài 33m bằng BTCT DUL 40MPa. Mố cầu bằng BTCT 30MPa, bê móng mố đặt trên 6 cọc khoan nhồi đường kính 1,0m, chiều dài cọc dự kiến 6,0m, mũi cọc ngàm vào đá gốc.

- + Cầu tại Km61+767: Kết cấu 01 nhịp giản đơn dài 9m, dầm bản bằng BTCT 30MPa. Mố cầu bằng BTCT 30MPa.

f) Công trình phòng hộ:

- Các vị trí nền đắp đầu cầu, cống và hay ngập nước vào mùa lũ, mái taluy được gia cố bằng bê tông M150.

- Xây dựng 751m tường chắn ta luy âm và 1.124m tường chắn ta luy dương bằng bê tông M150.

g) Nút giao: Được thiết kế dạng giao bằng cùng mức, kết cấu mặt đường trong nút giống kết cấu trên tuyến chính và vuốt nổi êm thuận từ tuyến chính vào các đường dân sinh bằng bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa.

h) An toàn giao thông: Bố trí vạch sơn, biển báo, cọc tiêu, hộ lan tôn lượn sóng ... tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019-BGTVT.

14. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Giao cho UBND các huyện Đại Lộc, Đông Giang tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn địa phương, từ nguồn vốn của dự án.

15. Tổng mức đầu tư: **260.000.000.000 đồng** (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	204.353.620.000	đồng,
- Chi phí quản lý dự án	:	3.316.518.000	đồng,
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	11.620.683.000	đồng,
- Chi phí khác	:	4.049.103.000	đồng,
- Chi phí bồi thường, GPMB	:	8.066.299.000	đồng.
- Chi phí dự phòng	:	28.593.777.000	đồng.
+ Dự phòng khối lượng 9,38%	:	21.697.872.000	đồng
+ Dự phòng trượt giá 2,98%	:	6.895.905.000	đồng

16. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

17. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

18. Thời gian thực hiện: 2021 - 2024.

19. Cơ quan tiếp nhận quản lý sử dụng sau khi dự án hoàn thành: Sở Giao thông vận tải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh (Chủ đầu tư) căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tiến hành lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện. Lưu ý thực hiện kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Điểm 2 Mục VI văn bản thẩm định số 3235/KQTD-SGTVT ngày 11/10/2021 trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải và các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Đại Lộc, Đông Giang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang